

3

Qualifications

Qualifications and Experience

Words in context

At a job interview for a teaching position:

A: interviewer - B: interviewee

A: Hello. Please have a seat. How are you today?

B: Well honestly, although I am well-prepared, I still have **butterflies in my stomach**⁽¹⁾.

A: Haha, don't worry! **Put your mind at ease**⁽²⁾. This is just a normal conversation. Ok, so now. Let's get started. First, tell me something about your background.

B: I've got a bachelor's degree from the University of Pedagogy, an IELTS certificate of 8.0 overall as well as an A-level certificate in Computer Application.

A: That's great. However, those things are already listed in your CV. Could you please tell me more about your experience?

B: Well okay. I have 1-year experience teaching kids in ABC center and another year teaching IELTS students. I know that besides **academic achievements**⁽³⁾, experience also plays an integral role in finding a well-paid job. Therefore, I **worked part-time**⁽⁴⁾ regularly when I was at university.

A: Oh, great to hear that. Ok, one last question: Why did you choose our company?

B: Because you **have a great reputation for**⁽⁵⁾ IELTS training. I was really impressed by your student hall of fame. Besides, there are also many **rewarding perks**⁽⁶⁾ in your job description. Those two factors really displayed to me that you are an ideal workplace.

A: Thank you. OK, now the interview is over. I would like to inform you that there is now a period of **probation**⁽⁷⁾. After two months, if there is good feedback from students, you will be officially employed. What do you think?

B: Thank you for giving me such an opportunity. I will try my best.

A: Ok, see you next Monday, B.

B: See you. Have a good day

- 1 To have butterflies in my stomach = To be very nervous about something: *Cảm thấy rất lo lắng*
- 2 To put one's mind at ease = To stop being anxious: *Ngừng không lo lắng nữa*
- 3 Academic achievement: *Thành tựu học tập*
- 4 Work part-time = To have a part - time job: *Làm việc bán thời gian*
- 5 To have a reputation for something = To be well-known for: *Nổi tiếng về cái gì*
- 6 A rewarding perk: *Phần thưởng*
- 7 Probation: *Thời gian thử việc*

Experience (danh từ không đếm được) mang nghĩa là kinh nghiệm; **Experience** (danh từ đếm được) mang nghĩa là trải nghiệm.

A certificate là một loại chứng chỉ có thể có được sau khi tham gia một khóa học (thường là dưới 1 năm); **A degree** là một loại bằng cấp có được sau khi hoàn thành một chương trình học đại học.

1 Đánh giá mức độ phù hợp của những từ hoặc cụm từ in đậm trong các câu sau

- 1 When I stood up in front of my whole class and gave a presentation in English, I always had **butterflies in my stomach**. I just froze and couldn't say anything.
 Khi tôi đứng trước cả lớp và thuyết trình bằng tiếng Anh, tôi luôn **had butterflies in my stomach**. Tôi cứ cứng đờ người và chả nói được gì.
- 2 Many university students only choose to **work part-time** because they need time for their study.
 Rất nhiều học sinh đại học chỉ chọn **work part-time** vì họ cần thời gian để học tập nữa.
- 3 Everyone in my team has to work overtime without pay to finish the project on time, which is one of the **rewarding perks** of this job.
 Ai trong đội của tôi cũng phải làm việc quá giờ mà không được tính lương để hoàn thành dự án này theo đúng thời gian quy định. Điều này là một trong những **rewarding perks** của công việc này.
- 4 I had had a lot of experience in public speaking; so before my graduation speech, my teacher told me to **put my mind at ease**.
 Tôi đã có rất nhiều kinh nghiệm nói trước đám đông nên trước bài phát biểu trong lễ tốt nghiệp, thầy giáo bảo tôi cần **put my mind at ease**.

2 Chọn từ (và chia động từ) phù hợp để hoàn thành các câu sau:

A. *work part - time*
D. *degree*

B. *has a reputation for*
E. *certificate*

C. *academic achievement*
F. *rewarding perks*

- 1 A 7-day trip to Thailand is one of the _____ of this job.
- 2 After joining our voluntary program for 3 months, you will receive a _____.
- 3 She studies abroad to take a Masters _____.
- 4 Besides studying, students often choose to _____ at a convenience store to get hands-on experience.
- 5 Good _____ at school doesn't secure a good job in the future. A lot of A grades don't mean anything if you can't put what you learn into practice.
- 6 Oxford University _____ being one of the best institutions in the world.

Practice



1. Sử dụng những từ đã học để mở rộng chủ đề sau.

Describe a skill that cannot be learned at school.

You should say:

- What it is
- How to learn it
- How long it requires you to learn

Explain why we should learn it



2. Sử dụng những từ đã học để mở rộng chủ đề sau.

Describe a job you think is useful to society.

You should say:

- What job it is
- What qualifications you need to do this job
- What kinds of people do this job

And explain why you think this job is useful to society.